

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đắk Ruồng năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 26/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện chuyển đổi số huyện Kon Rẫy năm 2024;

Ủy ban nhân dân xã Đắk Ruồng ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Mục đích:

- Tập trung vào các hoạt động phát triển, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với trọng tâm là: Xác định các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế số để tập trung thúc đẩy.

- Phân đấu cải thiện vị trí xếp hạng về chỉ số chuyển đổi số (DTI) góp phần cải thiện chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

2. Yêu cầu:

- Tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; phân công rõ nhiệm vụ trong triển khai thực hiện và xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, nguồn lực thực hiện đối với từng nhiệm vụ.

- Nâng cao chất lượng, vị trí xếp hạng về chỉ số chuyển đổi số góp phần phát triển kinh tế - xã hội của xã trong năm 2024.

II. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Về chỉ tiêu:

| STT | CHỈ TIÊU | Mục tiêu năm 2024 |
|------------|--|-------------------|
| I | Hạ tầng số | |
| 1 | Tỷ lệ số thôn được phủ sóng băng rộng di động | 100% |
| II | Dữ liệu số | |
| 1 | Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh | 100% |
| 2 | Cung cấp dữ liệu mở (theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh) | 100% |
| III | Chính phủ số | |

| | | |
|-----------|--|------|
| 1 | Thủ tục hành chính được cung cấp công khai dưới dạng dịch vụ công trực tuyến | 80% |
| 2 | Dịch vụ công trực tuyến được cung cấp công khai dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình | 80% |
| 3 | Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. | 60% |
| 4 | Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công | 30% |
| 5 | Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa | 80% |
| 6 | Hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa | 50% |
| 7 | Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. | 55% |
| 8 | Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản. | 80% |
| IV | Kinh tế số | |
| 9 | Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP | |
| 10 | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực | |
| 11 | Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ | >2% |
| 12 | Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt | 60% |
| 13 | Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt | ≥15% |
| 14 | Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng chuyên đổi số | |
| V | Xã hội số | |
| 15 | Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh | >70% |
| 16 | Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng | >60% |
| 17 | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử | >80% |
| 18 | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân | >5% |
| 19 | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác | >50% |
| 20 | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công | >60% |

| | | |
|-----------|---|-------|
| | trực tuyến | |
| 21 | Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa | >30% |
| 22 | Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử | >85% |
| VI | An toàn, an ninh mạng | |
| 23 | Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin | >100% |
| 24 | Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | >50% |
| 25 | Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng | 100% |

2. Về nhiệm vụ:

| STT | Nội dung nhiệm vụ, giải pháp | Bộ phận chủ trì tham mưu | Thời gian thực hiện |
|----------|---|--------------------------|---------------------|
| 1 | Thế chế số | | |
| 1.1 | Tham mưu UBND xã Văn bản quán triệt về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Văn phòng HĐND - UBND | Trong năm |
| 1.2 | Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa | ĐC-NN-XD-MT | Trong năm |
| 1.3 | Báo cáo kết quả chuyển đổi số năm 2024 | Văn hóa – Thông tin | Trước tháng 11/2024 |
| 1.4 | Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử xã | Văn hóa – Thông tin | Trong năm |
| 2 | Hạ tầng số | | |
| 2.1 | Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để hỗ trợ mua điện thoại thông minh; | Văn hóa – Xã hội | 6 tháng, năm |
| 2.2 | Thống kê các khu vực (thôn) khó khăn chưa kết nối cáp quang, đăng ký sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để triển khai đường cáp quang đến từng thôn; phân đấu mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng | Văn hóa – Thông tin | 9/2024 |
| 2.3 | Trong năm, tham mưu UBND xã trang bị từ 02-5 máy vi tính cho cán bộ, công chức (<i>thay thế số máy tính đã xuống cấp, cấu hình thấp, hết khấu hao tài sản</i>) | Tài chính – Kế toán | Trong năm |

| | | | |
|----------|--|---|------------------------|
| 3 | Nhân lực số | | |
| 3.1 | Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức (trực tiếp và trực tuyến) | Văn hóa – Thông tin | Hoàn thành trước 31/11 |
| 3.2 | Triển khai bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng (trực tiếp và trực tuyến) | Văn hóa – Thông tin | Hoàn thành trước 31/11 |
| 3.3 | Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn kỹ năng số cho người dân | Văn hóa – Thông tin | Hoàn thành trước 31/11 |
| 4 | Nhận thức số | | |
| 4.1 | Tổ chức sự kiện ngày chuyển đổi số 10-10 (<i>Lễ Phát động; Hội nghị chuyên đề, tọa đàm về chuyển đổi số; Tuyên truyền cổ động...</i>) | Văn hóa – Thông tin | 10/2024 |
| 4.2 | Khuyến khích các ngành: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức các sự kiện, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số lĩnh vực | Bộ phận chuyên môn theo ngành, lĩnh vực | Trong năm |
| 4.3 | Hệ thống truyền thanh cơ sở duy trì tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số (<i>01 tuần/lần</i>) | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 4.4 | Chuyên trang Chuyển đổi số duy trì duy trì tần suất cập nhật 1 tuần/lần | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 4.5 | Trang thông tin điện tử huyện duy trì số lượng tin, bài về Chuyển đổi số tối thiểu 10 tin, bài/năm. | Văn hóa – Thông tin | Mỗi tháng 02 tin, bài |
| 4.6 | Tuyên truyền người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến và các giao dịch khác trên môi trường mạng | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 5 | Nền tảng số cơ bản | | |
| 5.1 | Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh | Văn hóa – Thông tin | 2024 - 2025 |
| 5.2 | Duy trì, phát huy hiệu quả các nền tảng, hệ thống cho phát triển Chính phủ số/Chính quyền số | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 6 | Dữ liệu số | | |

| | | | |
|----------|--|---------------------|--------------|
| 6.1 | Phát triển cơ sở dữ liệu (<i>Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh</i>) | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 6.2 | Cung cấp dữ liệu mở (<i>theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh</i>) | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 6.3 | Phối hợp Duy trì, hoàn thiện Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 7 | An toàn thông tin mạng | | |
| 7.1 | Tham mưu UBND xã lập hồ sơ đề xuất cấp độ cho hệ thống thông tin của đơn vị, địa phương | Văn hóa – Thông tin | 30/6/2024 |
| 7.2 | 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt | Văn hóa – Thông tin | 30/11/2024 |
| 7.3 | Triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn an ninh thông tin các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn (theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022) | Văn hóa – Thông tin | 01 quý/lần |
| 7.4 | Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng | Văn hóa – Thông tin | 30/6/2024 |
| 7.5 | Các máy trạm của cơ quan nhà nước được cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) | Văn hóa – Thông tin | 3/2024 |
| 7.6 | Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân. | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 8 | Doanh nghiệp công nghệ số | | |

| | | | |
|-----------|--|---|--------------|
| 8.1 | Nghiên cứu cơ sở dữ liệu về công nghiệp ICT Việt Nam (<i>doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ số</i>) tại địa chỉ: makeinvietnam.mic.gov.vn , để tham khảo, phân tích phục vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số | ĐC-NN-XD-MT | Thường xuyên |
| 9 | Chính phủ số | | |
| 9.1 | Tiếp tục rà soát, đề xuất phê duyệt DVCTT toàn trình, nâng cao tỷ lệ: - DVCTT toàn trình; - DVCTT được điền sẵn thông tin; - DVCTT được cá thể hóa. | Văn phòng HĐND-UBND | Thường xuyên |
| 9.2 | Tiếp tục triển khai kết nối các ứng dụng dùng chung qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và duy trì, phát sinh trao đổi dữ liệu thường xuyên | Các bộ phận liên quan | Thường xuyên |
| 9.3 | Tiếp tục triển khai các nội dung về nâng cao chất lượng, hiệu quả DVCTT (theo Văn bản số 3109/BTTTT-CĐSQG ngày 01/8/2023 và 2641/UBND-KGVX ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh) | Các bộ phận liên quan | 6/2024 |
| 9.4 | Tuyên truyền, đơn đốc, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT | Văn hóa – Thông tin, bộ phận một cửa xã | Thường xuyên |
| 9.5 | Triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến của người dân (VNForm) do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai để khảo sát, thu thập ý kiến của người dân và doanh nghiệp | Văn phòng HĐND-UBND | Thường xuyên |
| 10 | Kinh tế số | | |
| 10.1 | Tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế số gắn với Vùng dữ liệu quốc gia, bảo vệ và phát triển rừng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch thông minh | ĐC-NN-XD-MT | 2024-2025 |
| 10.2 | Tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |

| | | | |
|-------------|--|---|--------------|
| 10.3 | Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyên đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ dbi.gov.vn | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 11 | Xã hội số | | |
| 11.1 | Mỗi người dân có một danh tính số | | |
| 11.1.1 | Tuyên truyền, thúc đẩy người dân cài đặt tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2 | Công an xã | Trong năm |
| 11.1.2 | Rà soát các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để khai thác, sử dụng dịch vụ số | Văn hóa – Thông tin | Trong năm |
| 11.2 | Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số | | |
| 11.2.1 | Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu ưu tiên thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 11.3 | Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến | | |
| 11.3.1 | Tuyên truyền, thúc đẩy mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến | Văn phòng HĐND-UBND, bộ phận một cửa xã | Thường xuyên |
| 11.3.2 | Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Tổ công nghệ số cộng đồng xã | Thường xuyên |
| 11.4 | Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân | | |
| 11.4.1 | Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 11.4.2 | Tuyên truyền, khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 11.4.3 | Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |

| | | | |
|------|--|-----------------------|--------------|
| 11.5 | Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản (<i>không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số</i>) | Văn hóa – Thông tin | Thường xuyên |
| 11.6 | Phát triển trường học số (triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập | Các đơn vị Trường học | 2024-2025 |
| 11.7 | Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. | Trạm Y tế xã | 2024-2025 |
| 11.8 | Tham mưu UBND xã lựa chọn thôn (làng, khu phố), xã có điều kiện để hình thành làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm | Văn hóa – Thông tin | 2024-2025 |

III. GIẢI PHÁP

1. **Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và người dân tham gia kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên Zalo.

- Tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương tại: Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ: dx.gov.vn.

- Phổ biến, hướng dẫn để người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng.

- Phối hợp với các doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

- Ứng dụng nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp (Smartbot) phục vụ giải đáp thông tin, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, phòng chống dịch bệnh, các cơ chế, chính sách có liên quan,...

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Tiếp tục triển khai, sử dụng các dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại cấp huyện, cấp xã để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp triển khai hạ tầng mạng cáp quang, mạng di động băng rộng 5G, hạ tầng IoT; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ như: Đô thị thông minh, chữ ký số, mobile money, điện toán đám mây, các ứng dụng, nền tảng phục vụ chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

- Tham gia các hội nghị, hội thảo, hội chợ nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trên địa bàn xã.

3. Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai nền tảng điện toán đám mây phục vụ chính quyền số. Ứng dụng các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số, nhất là công nghệ chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), thực tế ảo... trong điều hành, quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

4. Nâng cao chất lượng nguồn lực công nghệ thông tin

- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Huy động kinh phí hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia để phục vụ chuyển đổi số.

- Ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

IV. KINH PHÍ

1. Đối với nhiệm vụ của cơ quan nhà nước

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán của các đơn vị, địa phương năm 2024 theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số của doanh nghiệp: Kinh phí triển khai là của doanh nghiệp để chuyển đổi sang mô hình kinh doanh mới. Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (*phục vụ công tác kết nối, tư vấn, đào tạo...*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý, phụ trách.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn khai thác, ứng dụng CNTT, gắn kết chặt chẽ CNTT với cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

2. Công chức Văn hóa – Xã hội (phụ trách Thông tin)

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai nội dung kế hoạch; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và phối hợp với các đơn vị tham mưu, đề xuất phương án giải quyết, báo cáo UBND xã xem xét, quyết định.

- Phối hợp tổ chức triển khai các công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số của xã.

- Định kỳ 6 tháng (20/6) và hàng năm (trước ngày 25/11) tham mưu UBND xã báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số huyện theo quy định.

3. Công chức Tài chính - Kế toán

- Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí (*vốn sự nghiệp*) thực hiện kế hoạch này theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

- Bố trí tối thiểu 01% tổng chi thường xuyên của ngân sách xã để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số (*trong đó đảm bảo 10% chi phí đầu tư cho an toàn, an ninh mạng*) của đơn vị.

4. Công chức Văn phòng – Thống kê: Phối hợp thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp quản lý, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung được UBND huyện giao để góp phần phát triển chính phủ số, chuyển đổi số.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các đơn vị, bộ phận nghiêm túc thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh về UBND xã (*qua bộ phận*

Văn hóa Thông tin) để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa – Thông tin (b/c);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lan